

| STT | KHỐI | HỌ                 | TÊN    | LỚP    | TRƯỜNG                           | TỈNH                | HC   |
|-----|------|--------------------|--------|--------|----------------------------------|---------------------|------|
| 1   | 10   | Đoàn Đình          | Toàn   | 10A1   | THCS-THPT Châu Á Thái Bình Dương |                     | Vàng |
| 2   | 10   | Hoàng Nguyễn Minh  | Huy    | 10A2   | THPT An Dương Vương              |                     | Vàng |
| 3   | 10   | Nguyễn Thanh Minh  | Nguyệt | 10A1   | THPT Bùi Thị Xuân                |                     | Vàng |
| 4   | 10   | Nguyễn Minh        | Hoàng  | 10A1   | THPT Bùi Thị Xuân                |                     | Vàng |
| 5   | 10   | Lý Nhật            | Anh    | 10B    | THPT chuyên Lê Hồng Phong        |                     | Vàng |
| 6   | 10   | Tô Duy Nhật        | Trình  | 10A    | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa       |                     | Vàng |
| 7   | 10   | Phạm Trần Quang    | Minh   | 10CTin | THPT Gia Định                    |                     | Vàng |
| 8   | 10   | Nguyễn Nhật        | Huy    | 10CTin | THPT Gia Định                    |                     | Vàng |
| 9   | 10   | Nguyễn Hoàng       | Lân    | 10A4.1 | THPT Gia Định                    |                     | Vàng |
| 10  | 10   | Đoàn Xuân          | Bách   | 10AD1  | THPT Giồng Ông Tố                |                     | Vàng |
| 11  | 10   | Lê Thanh           | Triều  | 10A2   | THPT Kế Sách                     | - Sóc Trăng         | Vàng |
| 12  | 10   | Đặng Vũ Kim        | Ký     | 10A7   | THPT Lê Quý Đôn                  |                     | Vàng |
| 13  | 10   | Nguyễn Khải        | Toàn   | 10A7   | THPT Lương Thế Vinh              |                     | Vàng |
| 14  | 10   | Nguyễn Minh        | Phúc   | 10A08  | THPT Mạc Đĩnh Chi                |                     | Vàng |
| 15  | 10   | Tăng Tú            | Nhi    | 10A12  | THPT Mạc Đĩnh Chi                |                     | Vàng |
| 16  | 10   | Phạm Tấn           | Bằng   | 10A01  | THPT Marie Curie                 |                     | Vàng |
| 17  | 10   | Lê Trần Tấn        | Lộc    | 10A1   | THPT Ngô Quyền                   |                     | Vàng |
| 18  | 10   | Lê Trung           | Đan    | 10A7   | THPT Nguyễn Công Trứ             |                     | Vàng |
| 19  | 10   | Nguyễn Gia         | Huy    | 10A11  | THPT Nguyễn Công Trứ             |                     | Vàng |
| 20  | 10   | Trương Minh        | Nguyên | 10A01  | THPT Nguyễn Hiền                 |                     | Vàng |
| 21  | 10   | Mách A             | Ly     | 10A1   | THPT Nguyễn Hữu Huân             |                     | Vàng |
| 22  | 10   | Cao Ngọc Thiện     | Tú     | 10A03  | THPT Nguyễn Thị Minh Khai        |                     | Vàng |
| 23  | 10   | Phạm Minh          | Anh    | 10A01  | THPT Nguyễn Thị Minh Khai        |                     | Vàng |
| 24  | 10   | Phạm Đỗ Thục       | Anh    | 10A01  | THPT Nguyễn Thị Minh Khai        |                     | Vàng |
| 25  | 10   | Nguyễn Thị Anh     | Thơ    | 10CT   | THPT Nguyễn Thượng Hiền          |                     | Vàng |
| 26  | 10   | Nguyễn Minh        | Thiện  | 10A02  | THPT Phú Nhuận                   |                     | Vàng |
| 27  | 10   | Nguyễn Đăng        | Khoa   | 10A01  | THPT Phú Nhuận                   |                     | Vàng |
| 28  | 10   | Lê Bình            | Phương | 10A04  | THPT Phú Nhuận                   |                     | Vàng |
| 29  | 10   | Tạ Văn             | Quý    | 10TN1  | THPT Phước Bình                  | - Bình Phước        | Vàng |
| 30  | 10   | Trần Quốc          | Đạt    | 10TN1  | THPT Phước Bình                  | - Bình Phước        | Vàng |
| 31  | 10   | Ngô Nguyễn Hạnh    | Anh    | 10C18  | THPT Tân Bình                    |                     | Vàng |
| 32  | 10   | Vô Văn             | Định   | 10A4   | THPT Tây Thạnh                   |                     | Vàng |
| 33  | 10   | Nguyễn Quốc Ngọc   | Long   | 10A2   | THPT Tây Thạnh                   |                     | Vàng |
| 34  | 10   | Trần Đăng          | Khoa   | 10A4   | THPT Tháp Mười                   | - Đồng Tháp         | Vàng |
| 35  | 10   | Phạm Mai Nhật      | Minh   | 10C10  | THPT Thủ Đức                     |                     | Vàng |
| 36  | 10   | Nguyễn Huỳnh Thanh | Tú     | 10A4   | THPT Trần Hưng Đạo               |                     | Vàng |
| 37  | 10   | Phạm Thanh         | Truyền | 10A1   | THPT Trung Vương                 |                     | Vàng |
| 38  | 10   | Phan Anh           | Duy    | 10     | THPT Vĩnh Long                   | - Vĩnh Long         | Vàng |
| 39  | 10   | Ngô Thị Minh       | Nguyệt | 10A1   | THPT Vũng Tàu                    | - Bà Rịa - Vũng Tàu | Vàng |
| 40  | 10   | Dương Đức          | Bình   | 10.1   | Trung học thực hành ĐHSP         |                     | Vàng |
| 41  | 10   | Nguyễn Tuấn        | Đức    | 10.5   | Trung học thực hành ĐHSP         |                     | Vàng |
| 42  | 10   | Vũ Ngô Diễm        | Quỳnh  | 10A1   | THCS - THPT Đức Trí              |                     | Bạc  |
| 43  | 10   | Nguyễn Đắc Khánh   | Trình  | 10B1   | THCS - THPT Đức Trí              |                     | Bạc  |
| 44  | 10   | Nguyễn Thành       | Công   | 10A1   | THCS-THPT TT Hồng Đức            |                     | Bạc  |
| 45  | 10   | Nguyễn Vũ Diêu     | Huyền  | 10A1   | THCS-THPT TT Hồng Đức            |                     | Bạc  |
| 46  | 10   | Vũ Ngọc Bảo        | Khanh  | 10T1   | THPT An Dương Vương              |                     | Bạc  |
| 47  | 10   | Tô Dương Nhật      | Hạ     | 10A1   | THPT Bùi Thị Xuân                |                     | Bạc  |
| 48  | 10   | Mai Thị Thu        | Huyền  | 10     | THPT Chu Văn An                  | - Đắk Nông          | Bạc  |
| 49  | 10   | Trần Minh          | Huân   | 10A2   | THPT chuyên Lê Hồng Phong        |                     | Bạc  |
| 50  | 10   | Võ Nguyễn Hoàng    | Anh    | 10D1   | THPT chuyên Lê Hồng Phong        |                     | Bạc  |
| 51  | 10   | Dương Tâm          | Như    | 10A    | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa       |                     | Bạc  |

| STT | KHỐI | HỌ                | TÊN    | LỚP    | TRƯỜNG                           | TỈNH         | HC   |
|-----|------|-------------------|--------|--------|----------------------------------|--------------|------|
| 52  | 10   | Dương Văn         | Cường  | 10A1   | THPT Đắk Mil                     | - Đắk Nông   | Bạc  |
| 53  | 10   | Nguyễn Vũ         | Duy    | 10AD2  | THPT Giồng Ông Tố                |              | Bạc  |
| 54  | 10   | Nguyễn Thị Thủy   | Tiên   | 10A1   | THPT Hùng Vương                  | - Bình Thuận | Bạc  |
| 55  | 10   | Trần Thuận        | Phong  | 10A10  | THPT Hùng Vương                  |              | Bạc  |
| 56  | 10   | Nguyễn Văn        | Hoài   | 10A2   | THPT Kế Sách                     | - Sóc Trăng  | Bạc  |
| 57  | 10   | Phạm Như          | Quỳnh  | 10A1   | THPT Kon Tum                     | - Kon Tum    | Bạc  |
| 58  | 10   | Lưu Trường        | Vũ     | 10A1   | THPT Kon Tum                     | - Kon Tum    | Bạc  |
| 59  | 10   | Tạ Ngọc           | Đình   | 10C18  | THPT Lê Minh Xuân                |              | Bạc  |
| 60  | 10   | Đỗ Nghĩa          | Hưng   | 10A2   | THPT Lê Quý Đôn                  |              | Bạc  |
| 61  | 10   | Trần Huỳnh Thiên  | Tùng   | 10A2   | THPT Lương Thế Vinh              |              | Bạc  |
| 62  | 10   | Phan Nguyên       | Tùng   | 10A1.1 | THPT Ngô Quyền                   |              | Bạc  |
| 63  | 10   | Nguyễn Đình       | Khôi   | 10A3   | THPT Nguyễn Công Trứ             |              | Bạc  |
| 64  | 10   | Phạm Tấn          | An     | 10C2   | THPT Nguyễn Du                   |              | Bạc  |
| 65  | 10   | Đậu Ngọc Minh     | Trí    | 10C8   | THPT Nguyễn Du                   |              | Bạc  |
| 66  | 10   | Lê Bùi Trung      | Kiên   | 10A01  | THPT Nguyễn Hiền                 |              | Bạc  |
| 67  | 10   | Vũ Minh           | Tuấn   | 10C12  | THPT Nguyễn Hữu Cầu              |              | Bạc  |
| 68  | 10   | Trần Tấn          | Phong  | 10A3   | THPT Nguyễn Hữu Huân             |              | Bạc  |
| 69  | 10   | Trần Gia          | Long   | 10A5   | THPT Nguyễn Hữu Huân             |              | Bạc  |
| 70  | 10   | NGUYỄN THÀNH      | LONG   | 10A3   | THPT Nguyễn Khuyến               |              | Bạc  |
| 71  | 10   | Phan Huỳnh Đăng   | Khoa   | 10CT   | THPT Nguyễn Thượng Hiền          |              | Bạc  |
| 72  | 10   | Nguyễn Dương Thúy | Ngân   | 10CT   | THPT Nguyễn Thượng Hiền          |              | Bạc  |
| 73  | 10   | Trịnh Văn         | Công   | 10A2   | THPT Tam Phú                     |              | Bạc  |
| 74  | 10   | Đặng Trần Công    | Danh   | 10     | THPT Tây Ninh                    | - Tây Ninh   | Bạc  |
| 75  | 10   | Lê Thị Yên        | Nhi    | 10A13  | THPT Tây Thạnh                   |              | Bạc  |
| 76  | 10   | Nguyễn Hoàng      | Long   | 10A1   | THPT Ten Lơ Man                  |              | Bạc  |
| 77  | 10   | Đoàn Văn Thanh    | Liêm   | 10C9   | THPT Thủ Đức                     |              | Bạc  |
| 78  | 10   | Trần Thị Kiều     | Hạnh   | 10A12  | THPT Trần Khai Nguyên            |              | Bạc  |
| 79  | 10   | Trần Tuấn         | Kiệt   | 10C08  | THPT Trần Phú                    |              | Bạc  |
| 80  | 10   | Trần Thị Thanh    | Quan   | 10C07  | THPT Trần Phú                    |              | Bạc  |
| 81  | 10   | Phan Đại          | Long   | 10A11  | THPT Trần Quang Khải             |              | Bạc  |
| 82  | 10   | Đinh Nguyên       | Tấn    | 10A01  | THPT Võ Thị Sáu                  |              | Bạc  |
| 83  | 10   | Bùi Nguyễn Gia    | Anh    | 10A02  | THPT Võ Thị Sáu                  |              | Bạc  |
| 84  | 10   | Trần Khánh        | Ly     | 10A09  | THPT Võ Trường Toản              |              | Bạc  |
| 85  | 10   | TRẦN THỊ NGỌC     | HƯƠNG  | 10C    | TH-THCS-THPT Quốc Văn Sài Gòn    |              | Bạc  |
| 86  | 10   | Phạm Minh         | Anh    | 10A1   | THCS - THPT Đức Trí              |              | Đồng |
| 87  | 10   | Nguyễn Thanh      | Vũ     | 10A1   | THCS-THPT Châu Á Thái Bình Dương |              | Đồng |
| 88  | 10   | Đặng Ngọc         | Phúc   | 10A1   | THCS-THPT Tân Phú                |              | Đồng |
| 89  | 10   | Lê Nguyễn Hoàng   | Tuấn   | 10A1   | THPT An Dương Vương              |              | Đồng |
| 90  | 10   | Vũ Trịnh Quỳnh    | Mi     | 10A2   | THPT An Nghĩa                    |              | Đồng |
| 91  | 10   | Võ Nhật           | Thanh  | 10A2   | THPT An Nghĩa                    |              | Đồng |
| 92  | 10   | Lê Thị Phương     | Thảo   | 10A1   | THPT An Nhơn Tây                 |              | Đồng |
| 93  | 10   | Trần Hoài         | Phong  | 10A2   | THPT Bình Chánh                  |              | Đồng |
| 94  | 10   | Trần Nguyễn Thiên | Son    | 10A3   | THPT Bình Chánh                  |              | Đồng |
| 95  | 10   | Bùi Văn           | Minh   | 10C11  | THPT Bình Hưng Hòa               |              | Đồng |
| 96  | 10   | Nguyễn Thị Thu    | Phương | 10A06  | THPT Bình Phú                    |              | Đồng |
| 97  | 10   | Nguyễn Xuân       | Phúc   | 10A1   | THPT Cần Thạnh                   |              | Đồng |
| 98  | 10   | Nguyễn Minh       | Nhật   | 10A1   | THPT Cần Thạnh                   |              | Đồng |
| 99  | 10   | Phan Nguyễn Huy   | Hoàng  | 10     | THPT Chu Văn An                  | - Đắk Nông   | Đồng |
| 100 | 10   | Phan Nguyễn Anh   | Khoa   | 10A    | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa       |              | Đồng |
| 101 | 10   | Huỳnh Nguyễn Văn  | Anh    | 10CT   | THPT Củ Chi                      |              | Đồng |
| 102 | 10   | Lê Phương         | Thảo   | 10A3   | THPT Di Linh                     | - Lâm Đồng   | Đồng |

| STT | KHỐI | HỌ                | TÊN    | LỚP   | TRƯỜNG                     | TỈNH                | HC   |
|-----|------|-------------------|--------|-------|----------------------------|---------------------|------|
| 103 | 10   | Huỳnh Hoàng       | Hải    | 10A10 | THPT Hùng Vương            |                     | Đồng |
| 104 | 10   | Nguyễn Hồ Bích    | Hồng   | 10A10 | THPT Hùng Vương            |                     | Đồng |
| 105 | 10   | Nguyễn Anh        | Hải    | 10A1  | THPT Kon Tum               | - Kon Tum           | Đồng |
| 106 | 10   | Vũ Tấn            | Khang  | 10C17 | THPT Lê Minh Xuân          |                     | Đồng |
| 107 | 10   | HOÀNG PHƯƠNG      | ANH    | 10A1  | THPT Lê Thánh Tôn          |                     | Đồng |
| 108 | 10   | Trần Thị Huỳnh    | Anh    | 10A1  | THPT Long Thới             |                     | Đồng |
| 109 | 10   | Nguyễn Minh       | Khánh  | 10A1  | THPT Long Trường           |                     | Đồng |
| 110 | 10   | Đinh Vũ Anh       | Thư    | 10A2  | THPT Lương Thế Vinh        |                     | Đồng |
| 111 | 10   | Trần Gia          | Mỹ     | 10A10 | THPT Mạc Đĩnh Chi          |                     | Đồng |
| 112 | 10   | Nguyễn Trung      | Anh    | 10A3  | THPT Nguyễn Chí Thanh      |                     | Đồng |
| 113 | 10   | Tổng Khánh        | Dân    | 10A6  | THPT Nguyễn Chí Thanh      |                     | Đồng |
| 114 | 10   | Đặng Võ Quang     | Liêu   | 10A3  | THPT Nguyễn Chí Thanh      |                     | Đồng |
| 115 | 10   | Trần Ngọc         | Diệp   | 10C8  | THPT Nguyễn Du             |                     | Đồng |
| 116 | 10   | Lưu Trọng         | Nghĩa  | 10T14 | THPT Nguyễn Hiền           |                     | Đồng |
| 117 | 10   | Nguyễn Trung      | Nhân   | 10A2  | THPT Nguyễn Hữu Cánh       |                     | Đồng |
| 118 | 10   | Nguyễn Ngọc Trung | Tiến   | 10C12 | THPT Nguyễn Hữu Cầu        |                     | Đồng |
| 119 | 10   | NGUYỄN TIẾN       | DŨNG   | 10A3  | THPT Nguyễn Khuyến         |                     | Đồng |
| 120 | 10   | Lý                | Đạt    | 10A3  | THPT Nguyễn Trãi           |                     | Đồng |
| 121 | 10   | Ngô Hoàng Thiên   | Tuệ    | 10A1  | THPT Nguyễn Trãi           |                     | Đồng |
| 122 | 10   | NGUYỄN MINH       | HIẾU   | 10C1  | THPT Nhân Việt             |                     | Đồng |
| 123 | 10   | Nguyễn Huy        | An     | 10A   | THPT Phan Bội Châu         | - Bình Thuận        | Đồng |
| 124 | 10   | Trần Ngọc         | Phú    | 10TN1 | THPT Phước Bình            | - Bình Phước        | Đồng |
| 125 | 10   | Đỗ Ngọc Thanh     | Tùng   | 10CB1 | THPT Quang Trung           | - Tây Ninh          | Đồng |
| 126 | 10   | Trần Thị Hiếu     | Ngân   | 10C17 | THPT Tân Bình              |                     | Đồng |
| 127 | 10   | Trần Chí          | Nghĩa  | 10C15 | THPT Tân Túc               |                     | Đồng |
| 128 | 10   | Nguyễn Phi        | Long   | 10A7  | THPT Trần Hưng Đạo         |                     | Đồng |
| 129 | 10   | Hứa Hữu           | Viễn   | 10A15 | THPT Trần Khai Nguyên      |                     | Đồng |
| 130 | 10   | Nguyễn Thanh      | Long   | 10A15 | THPT Trần Khai Nguyên      |                     | Đồng |
| 131 | 10   | Bùi Quang         | Duy    | 10C09 | THPT Trần Phú              |                     | Đồng |
| 132 | 10   | Diệp Dũng         | Giang  | 10A14 | THPT Trần Quang Khải       |                     | Đồng |
| 133 | 10   | Nguyễn Lê Quốc    | Bảo    | 10A2  | THPT Trần Văn Giàu         |                     | Đồng |
| 134 | 10   | Dư Ngọc Thảo      | Nguyên | 10TLH | THPT Trung Phú             |                     | Đồng |
| 135 | 10   | Trần              | Sang   | 10A8  | THPT Trưng Vương           |                     | Đồng |
| 136 | 10   | Lê Trần Trung     | Anh    | 10A3  | THPT Trưng Vương           |                     | Đồng |
| 137 | 10   | Nguyễn Thị Ngọc   | Trâm   | 10A01 | THPT Trường Chinh          |                     | Đồng |
| 138 | 10   | Đỗ Hoàng          | Long   | 10A01 | THPT Võ Thị Sáu            |                     | Đồng |
| 139 | 10   | Bùi Minh          | Phương | 10A13 | THPT Võ Trường Toản        |                     | Đồng |
| 140 | 10   | Dương Xuân        | Tuyền  | 10A5  | THPT Vũng Tàu              | - Bà Rịa - Vũng Tàu | Đồng |
| 141 | 10   | Nguyễn Hữu        | Dũng   | 10.5  | Trung học thực hành ĐHSP   |                     | Đồng |
| 1   | 11   | Nhan Sư           | Nghĩa  | 11A01 | THPT Bình Phú              |                     | Vàng |
| 2   | 11   | Trần Hoàng Nhật   | Anh    | 11A1  | THPT Bùi Thị Xuân          |                     | Vàng |
| 3   | 11   | Đông Văn          | Phong  | 11A9  | THPT Bùi Thị Xuân          |                     | Vàng |
| 4   | 11   | Mai Nguyễn Ngọc   | Quỳnh  | 11A9  | THPT Bùi Thị Xuân          |                     | Vàng |
| 5   | 11   | Nguyễn Đức        | Khôi   | 11A2  | THPT chuyên Lê Hồng Phong  |                     | Vàng |
| 6   | 11   | Trần Anh          | Tuấn   | 11CH1 | THPT chuyên Lê Hồng Phong  |                     | Vàng |
| 7   | 11   | Trương Minh       | Hiếu   | 11CL1 | THPT chuyên Lê Hồng Phong  |                     | Vàng |
| 8   | 11   | Trần Bảo          | Ngân   | 11CA3 | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa |                     | Vàng |
| 9   | 11   | Hồ Sỹ             | Nguyên | 11A   | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa |                     | Vàng |
| 10  | 11   | Nguyễn Văn Hà     | Tiên   | 11A1  | THPT Đắk Mil               | - Đắk Nông          | Vàng |
| 11  | 11   | Nguyễn Thị Mỹ     | Trâm   | 11D1  | THPT Gia Định              |                     | Vàng |
| 12  | 11   | Phong Quốc        | Sĩ     | 11AD2 | THPT Giồng Ông Tố          |                     | Vàng |

| STT | KHỐI | HỌ                | TÊN    | LỚP    | TRƯỜNG                          | TỈNH                | HC   |
|-----|------|-------------------|--------|--------|---------------------------------|---------------------|------|
| 13  | 11   | Trần Thế          | Nghĩa  | 11AD1  | THPT Giồng Ông Tố               |                     | Vàng |
| 14  | 11   | Trần Đức          | Duy    | 11AD1  | THPT Giồng Ông Tố               |                     | Vàng |
| 15  | 11   | Phan Thị Thanh    | Nhã    | 11A3   | THPT Hùng Vương                 | - Bình Thuận        | Vàng |
| 16  | 11   | Lâm Thuận         | Thanh  | 11A11  | THPT Hùng Vương                 |                     | Vàng |
| 17  | 11   | Lê Văn            | Hoàng  | 11A2   | THPT Kế Sách                    | - Sóc Trăng         | Vàng |
| 18  | 11   | Nguyễn Ngọc Nam   | Khang  | 11A09  | THPT Mạc Đĩnh Chi               |                     | Vàng |
| 19  | 11   | Phạm Ngọc         | Hùng   | 11A09  | THPT Marie Curie                |                     | Vàng |
| 20  | 11   | Nguyễn Trần Duy   | Son    | 11A1   | THPT Ngô Quyền                  |                     | Vàng |
| 21  | 11   | Lê Hiếu           | Phuong | 11A1.1 | THPT Ngô Quyền                  |                     | Vàng |
| 22  | 11   | Nguyễn Thị Phương | Mai    | 11A1   | THPT Ngô Quyền                  |                     | Vàng |
| 23  | 11   | Vũ Danh Hoài      | Nam    | 11A1   | THPT Nguyễn Chí Thanh           |                     | Vàng |
| 24  | 11   | Tô Quốc           | Thắng  | 11A10  | THPT Nguyễn Công Trứ            |                     | Vàng |
| 25  | 11   | Nguyễn Hồng       | Dương  | 11B4   | THPT Nguyễn Du                  |                     | Vàng |
| 26  | 11   | Huỳnh Ngọc Thanh  | Thùy   | 11B15  | THPT Nguyễn Hữu Cầu             |                     | Vàng |
| 27  | 11   | Lưu               | Nguyễn | 11B15  | THPT Nguyễn Hữu Cầu             |                     | Vàng |
| 28  | 11   | Nguyễn Minh       | Nhật   | 11A4   | THPT Nguyễn Hữu Huân            |                     | Vàng |
| 29  | 11   | TRẦN GIA          | HUY    | 11L1   | THPT Nguyễn Khuyến              |                     | Vàng |
| 30  | 11   | Phùng Vân         | Thủy   | 11A03  | THPT Nguyễn Thị Minh Khai       |                     | Vàng |
| 31  | 11   | Lê Minh           | Đức    | 11CT   | THPT Nguyễn Thượng Hiền         |                     | Vàng |
| 32  | 11   | Nguyễn Tiến       | Hưng   | 11CT   | THPT Nguyễn Thượng Hiền         |                     | Vàng |
| 33  | 11   | Trần Ngọc         | Khiêm  | 11A01  | THPT Phú Nhuận                  |                     | Vàng |
| 34  | 11   | Đặng Khải         | Hoàn   | 11A09  | THPT Phú Nhuận                  |                     | Vàng |
| 35  | 11   | Nguyễn Minh       | Nhật   | 11A2   | THPT Phước Long                 |                     | Vàng |
| 36  | 11   | Đỗ Anh            | Khoa   | 11A3   | THPT Tân Thông Hội              |                     | Vàng |
| 37  | 11   | Nguyễn Ngô Hải    | Cơ     | 11A3   | THPT Tháp Mười                  | - Đồng Tháp         | Vàng |
| 38  | 11   | Châu Cẩm          | Triều  | 11A3   | THPT Trần Khai Nguyên           |                     | Vàng |
| 39  | 11   | Ngô Duy           | Bảo    | 11B05  | THPT Trần Phú                   |                     | Vàng |
| 40  | 11   | Trương Hoài       | Phong  | 11B08  | THPT Trần Phú                   |                     | Vàng |
| 41  | 11   | Nguyễn Văn Hoàng  | Nhân   | 11A01  | THPT Vĩnh Lộc                   |                     | Vàng |
| 42  | 11   | Nguyễn Phan       | Tuấn   | 11A01  | THPT Võ Thị Sáu                 |                     | Vàng |
| 43  | 11   | Phạm Xuân         | Hoàng  | 11A1   | THPT Vũng Tàu                   | - Bà Rịa - Vũng Tàu | Vàng |
| 44  | 11   | Trang Chấn        | Long   | 11.1   | Trung học thực hành ĐHSP        |                     | Vàng |
| 45  | 11   | NGUYỄN HÒA        | VĂN    | 11A4   | Trung học thực hành Sài Gòn     |                     | Vàng |
| 46  | 11   | Hoàng Thị Thanh   | Thúy   | 11A5   | TH, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm |                     | Bạc  |
| 47  | 11   | Hồ Hải            | Hằng   | 11A1   | THCS & THPT Thái Bình           |                     | Bạc  |
| 48  | 11   | Phạm Thế          | Hào    | 11T1   | THPT An Dương Vương             |                     | Bạc  |
| 49  | 11   | Hoàng Ngọc Thảo   | Phương | 11A1   | THPT An Nhơn Tây                |                     | Bạc  |
| 50  | 11   | Võ Nhật           | Huy    | 11A01  | THPT Bình Phú                   |                     | Bạc  |
| 51  | 11   | Đặng Trường       | Son    | 11a9   | THPT Bùi Thị Xuân               | - Lâm Đồng          | Bạc  |
| 52  | 11   | Trương Tiến       | Hoàng  | 11     | THPT Chu Văn An                 | - Đắk Nông          | Bạc  |
| 53  | 11   | Nguyễn Tiến       | Hưng   | 11CL   | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa      |                     | Bạc  |
| 54  | 11   | Nguyễn Thị Ngọc   | Khánh  | 11CT   | THPT Củ Chi                     |                     | Bạc  |
| 55  | 11   | Lưu Văn           | Sáng   | 11A2   | THPT Hoàng Hoa Thám             |                     | Bạc  |
| 56  | 11   | Hoàng Thị         | Mai    | 11B14  | THPT Lê Minh Xuân               |                     | Bạc  |
| 57  | 11   | Châu Thanh        | Tú     | 11A1   | THPT Long Thới                  |                     | Bạc  |
| 58  | 11   | Trần Bảo          | Anh    | 11A1   | THPT Long Trường                |                     | Bạc  |
| 59  | 11   | Nguyễn Tiến       | Thành  | 11A2   | THPT Lương Thế Vinh             |                     | Bạc  |
| 60  | 11   | Nguyễn Quốc       | Huy    | 11A1   | THPT Lý Thường Kiệt             | - Bình Thuận        | Bạc  |
| 61  | 11   | Nguyễn Thị        | Duyên  | 11B14  | THPT Lý Thường Kiệt             |                     | Bạc  |
| 62  | 11   | Nguyễn Minh       | Thuận  | 11B14  | THPT Lý Thường Kiệt             |                     | Bạc  |
| 63  | 11   | Vũ Huy            | Hoàng  | 11D03  | THPT Marie Curie                |                     | Bạc  |

| STT | KHỐI | HỌ                | TÊN   | LỚP    | TRƯỜNG                    | TỈNH                | HC   |
|-----|------|-------------------|-------|--------|---------------------------|---------------------|------|
| 64  | 11   | Nguyễn Trọng      | Tùng  | 11A13  | THPT Nguyễn Công Trứ      |                     | Bạc  |
| 65  | 11   | Nguyễn Đức        | Trung | 11A3   | THPT Nguyễn Công Trứ      |                     | Bạc  |
| 66  | 11   | Phạm Lê           | Minh  | 11A1   | THPT Nguyễn Đình Chiểu    | - Tiền Giang        | Bạc  |
| 67  | 11   | Lý Khải           | Hào   | 11A01  | THPT Nguyễn Hiền          |                     | Bạc  |
| 68  | 11   | Huỳnh Nghiêm Phú  | Hưng  | 11B1   | THPT Nguyễn Hữu Cảnh      |                     | Bạc  |
| 69  | 11   | Trần Thị Trúc     | Linh  | 11B15  | THPT Nguyễn Hữu Cầu       |                     | Bạc  |
| 70  | 11   | Nguyễn Minh       | Hiếu  | 11A1   | THPT Nguyễn Hữu Huân      |                     | Bạc  |
| 71  | 11   | Nguyễn Trung      | Hậu   | 11A9   | THPT Nguyễn Hữu Huân      |                     | Bạc  |
| 72  | 11   | TRẦN NINH         | TRUNG | 11A2   | THPT Nguyễn Khuyến        |                     | Bạc  |
| 73  | 11   | Nguyễn Huỳnh Minh | Thuận | 11A01  | THPT Nguyễn Thị Minh Khai |                     | Bạc  |
| 74  | 11   | Trần Đức          | Trí   | 11A01  | THPT Nguyễn Thị Minh Khai |                     | Bạc  |
| 75  | 11   | Nguyễn Tiến       | Phước | 11A11  | THPT Nguyễn Thượng Hiền   |                     | Bạc  |
| 76  | 11   | Trần Lê Ngọc      | Thảo  | 11A3   | THPT Nguyễn Trãi          |                     | Bạc  |
| 77  | 11   | Trần Vũ           | Hoàng | 11T1   | THPT Phước Bình           | - Bình Phước        | Bạc  |
| 78  | 11   | Phạm Nguyễn Diễm  | Ngọc  | 11A3   | THPT Tam Phú              |                     | Bạc  |
| 79  | 11   | Nguyễn Phan Thùy  | Trang | 11A1   | THPT Tây Thạnh            |                     | Bạc  |
| 80  | 11   | Lê Hoàng          | Nam   | 11A11  | THPT Ten Lơ Man           |                     | Bạc  |
| 81  | 11   | Trần Minh         | Huy   | 11A1   | THPT Trần Khai Nguyên     |                     | Bạc  |
| 82  | 11   | Dương Phùng       | Vũ    | 11A1   | THPT Trần Khai Nguyên     |                     | Bạc  |
| 83  | 11   | Trương Quang      | Huy   | 11B09  | THPT Trần Phú             |                     | Bạc  |
| 84  | 11   | Trần Nguyễn Minh  | Lộc   | 11A1   | THPT Trần văn Bảy         | - Sóc Trăng         | Bạc  |
| 85  | 11   | Trần Nguyễn Tiêu  | Anh   | 11A1   | THPT Trần Văn Giàu        |                     | Bạc  |
| 86  | 11   | Trần Nguyễn Thanh | Son   | 11A1   | THPT Trưng Vương          |                     | Bạc  |
| 87  | 11   | Vũ Thành          | Nhân  | 11A01  | THPT Võ Thị Sáu           |                     | Bạc  |
| 88  | 11   | Trương Minh       | Tri   | 11A10  | THPT Võ Thị Sáu           |                     | Bạc  |
| 89  | 11   | Tôn Thất Bảo      | Phúc  | 11A2   | THPT Vũng Tàu             | - Bà Rịa - Vũng Tàu | Bạc  |
| 90  | 11   | Nguyễn Hoàng Nhật | Duy   | 11.1   | Trung học thực hành ĐHSP  |                     | Bạc  |
| 91  | 11   | Nguyễn Tấn        | Linh  | 11.3   | Trung học thực hành ĐHSP  |                     | Bạc  |
| 92  | 11   | Cao Thị Thu       | Hòa   | 11A2   | THCS - THPT Việt Anh      |                     | Đồng |
| 93  | 11   | Nguyễn Thị Thanh  | Trâm  | 11A1   | THPT An Nhơn Tây          |                     | Đồng |
| 94  | 11   | Trần Tường        | Vi    | 11B1   | THPT Bình Hưng Hòa        |                     | Đồng |
| 95  | 11   | Vy Viết           | Sách  | 11A1   | THPT Bình Tân             |                     | Đồng |
| 96  | 11   | Trần Văn          | Trí   | 11     | THPT Chu Văn An           | - Đắk Nông          | Đồng |
| 97  | 11   | Nguyễn Đăng       | Khoa  | 11CT   | THPT Củ Chi               |                     | Đồng |
| 98  | 11   | Nguyễn Trọng      | Quý   | 11CT   | THPT Củ Chi               |                     | Đồng |
| 99  | 11   | HỒ VĂN            | LỘC   | 11A1   | THPT Đào Sơn Tây          |                     | Đồng |
| 100 | 11   | Mai Nguyễn Phước  | Đại   | 11A2   | THPT Di Linh              | - Lâm Đồng          | Đồng |
| 101 | 11   | Đào Anh           | Khoa  | 11A7.1 | THPT Gia Định             |                     | Đồng |
| 102 | 11   | Tổng Lương Hương  | Quỳnh | 11CV   | THPT Gia Định             |                     | Đồng |
| 103 | 11   | Nguyễn Thanh      | Đức   | 11A11  | THPT Hùng Vương           |                     | Đồng |
| 104 | 11   | Nguyễn Viết Thái  | An    | 11A1   | THPT Kon Tum              | - Kon Tum           | Đồng |
| 105 | 11   | Phạm Thị Minh     | Tâm   | 11A2   | THPT Kon Tum              | - Kon Tum           | Đồng |
| 106 | 11   | Phạm Cao          | Vĩ    | 11A2   | THPT Lấp Vò 1             | - Đồng Tháp         | Đồng |
| 107 | 11   | Dương Hoàng       | Dũng  | 11A2   | THPT Lấp Vò 1             | - Đồng Tháp         | Đồng |
| 108 | 11   | Bùi Vương         | Khải  | 11A7   | THPT Lương Thế Vinh       |                     | Đồng |
| 109 | 11   | Trần Bá           | Đông  | 11B14  | THPT Lý Thường Kiệt       |                     | Đồng |
| 110 | 11   | Võ Thị Huyền      | Linh  | 11A2   | THPT Nguyễn Đình Chiểu    | - Tiền Giang        | Đồng |
| 111 | 11   | Trương Ngọc       | Tâm   | 11A01  | THPT Nguyễn Hiền          |                     | Đồng |
| 112 | 11   | Nguyễn Lê Bích    | Ngọc  | 11A01  | THPT Nguyễn Huệ           |                     | Đồng |
| 113 | 11   | Huỳnh Nhân        | Quân  | 11B1   | THPT Nguyễn Hữu Cảnh      |                     | Đồng |
| 114 | 11   | Nguyễn Trần Anh   | Khôi  | 11A04  | THPT Nguyễn Hữu Tiến      |                     | Đồng |

| STT | KHỐI | HỌ              | TÊN   | LỚP   | TRƯỜNG                        | TỈNH         | HC   |
|-----|------|-----------------|-------|-------|-------------------------------|--------------|------|
| 115 | 11   | Đặng Thành      | Quyên | 11A01 | THPT Nguyễn Hữu Tiến          |              | Đồng |
| 116 | 11   | Nguyễn Quốc     | Khánh | 11A04 | THPT Nguyễn Hữu Tiến          |              | Đồng |
| 117 | 11   | WANG QUỐC       | THÁI  | 11L7  | THPT Nguyễn Khuyến            |              | Đồng |
| 118 | 11   | Nguyễn Thị      | Ánh   | 11A6  | THPT Nguyễn Thái Bình         |              | Đồng |
| 119 | 11   | Huỳnh Tấn       | Tài   | 11A1  | THPT Nguyễn Thái Bình         |              | Đồng |
| 120 | 11   | Lê Quang        | Hiếu  | 11A12 | THPT Nguyễn Thị Diệu          |              | Đồng |
| 121 | 11   | Lê Thanh        | Hiếu  | 11A12 | THPT Nguyễn Thị Diệu          |              | Đồng |
| 122 | 11   | Huỳnh Bảo       | Phúc  | 11A1  | THPT Nguyễn Trãi              |              | Đồng |
| 123 | 11   | DUỠNG TUẤN      | KIỆT  | 11B1  | THPT Nhân Việt                |              | Đồng |
| 124 | 11   | Nguyễn Tiến     | Nam   | 11T1  | THPT Phước Bình               | - Bình Phước | Đồng |
| 125 | 11   | Đỗ Chí          | Bảo   | 11A2  | THPT Phước Long               |              | Đồng |
| 126 | 11   | Lê Minh         | Bảo   | 11A1  | THPT Phước Long               |              | Đồng |
| 127 | 11   | Quách Minh      | Tri   | 11A9  | THPT Tam Phú                  |              | Đồng |
| 128 | 11   | Hồ Xuân Tắt     | Thịnh | 11B17 | THPT Tân Bình                 |              | Đồng |
| 129 | 11   | Nguyễn Văn      | Tâm   | 11A1  | THPT Tây Thạnh                |              | Đồng |
| 130 | 11   | Võ Văn          | Tiến  | 11A2  | THPT Tây Thạnh                |              | Đồng |
| 131 | 11   | Vũ Hoàng        | Lộc   | 11A2  | THPT Trần Hưng Đạo            |              | Đồng |
| 132 | 11   | Đinh Quốc       | Bảo   | 11A2  | THPT Trần Hưng Đạo            |              | Đồng |
| 133 | 11   | Nguyễn Huy      | Thành | 11A9  | THPT Trần Quang Khải          |              | Đồng |
| 134 | 11   | Huỳnh Võ Nhật   | Tân   | 11A11 | THPT Trần Quang Khải          |              | Đồng |
| 135 | 11   | Nguyễn Như      | Thành | 11A9  | THPT Trần Quang Khải          |              | Đồng |
| 136 | 11   | Nguyễn Thành    | Đạt   | 11A1  | THPT Trần Văn Giàu            |              | Đồng |
| 137 | 11   | Nguyễn Văn      | Hậu   | 11A1  | THPT Trưng Vương              |              | Đồng |
| 138 | 11   | Lê Quỳnh        | Như   | 11A1  | THPT Trưng Vương              |              | Đồng |
| 139 | 11   | Trịnh Hoàng     | Đức   | 11A08 | THPT Vĩnh Lộc                 |              | Đồng |
| 140 | 11   | Huỳnh Trọng     | Lộc   | 11B15 | THPT Võ Trường Toản           |              | Đồng |
| 141 | 11   | Đào Duy         | Tuấn  | 11B15 | THPT Võ Trường Toản           |              | Đồng |
| 142 | 11   | NGUYỄN THỊ BÍCH | VÂN   | 11C   | TH-THCS-THPT Quốc Văn Sài Gòn |              | Đồng |